TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST Ngày: 24/7/2020 V/v: "Xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hải Long

Bà Lương Mai Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Minh Hòa - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X, đường L, Phường Y, thành Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang tạm trú tại: số X, đường X, Phường Z, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Bích N: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1966; cư trú tại: số 36, đường T, Phường X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Luật sư của Văn phòng luật sư An Bình - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Anh Kim I, sinh năm: 1978. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: X Sind - d, Jung-gu, Seoul, Korea.

Hiện đang tạm trú tại: căn X – B Ký túc xá Trường Đại học Đ; số X, đường L, Phường Z, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, có mặt.

Người phiên dịch cho anh Kim I: Chị Nguyễn Ngọc Bích H, sinh năm: 1997; cư trú tại: số X, thôn L, xã P, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày: Chị và anh Kim I đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08.01.2013 tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Hàn Quốc và Ghi chú kết hôn ngày 04.02.2013 tại Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại Việt Nam và Hàn Quốc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Hàn Quốc đến tháng 8.2013 vợ chồng sang nước Anh sinh sống và sinh con. Tháng 9.2014 vợ chồng chị về Việt Nam sinh sống. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian cho đến khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống hai bên hoàn toàn khác biệt, không có sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng cũng như trong việc chăm sóc giáo dục con chung, anh Kim I không tôn trọng và thường xuyên đánh đập chị. Khoảng cuối tháng 12.2015 vợ chồng chị đã sống ly thân nhau. Năm 2017 chị làm đơn xin ly hôn, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử bác đơn xin ly hôn của chị, không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chị đã làm đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm vì muốn tạo cho anh Kim I một cơ hội nên chị đã rút đơn kháng cáo. Sau khi rút đơn kháng cáo, chị và anh Kim I vẫn không quay về chung sống với nhau vì không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Kim I không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim I.

Về con chung: Chị và anh Kim I có 01 con chung là Kim Sang Hee J, sinh ngày 13.02.2014, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Kim I phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Kim I trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Bích N quen biết nhau qua mạng xã hội (facebook) và lấy nhau có qua tìm hiểu, tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 08.01.2013 tại Hàn Quốc và Ghi chú kết hôn ngày 04.02.2013 tại Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với bố mẹ anh tại Hàn Quốc. Sau đó sang Anh sinh sống và sinh con. Đến tháng 9.2014 vợ chồng về Việt Nam sinh sống, cuộc sống chung của vợ chồng sau khi cưới không có mâu thuẫn. Năm 2014 anh thừa nhận có hành vi đánh đập chị N nhưng từ cuối năm 2014 trở đi anh không có hành vi đánh đập chị N và vợ chồng vẫn sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời gian này anh phải chuẩn bị để đi xin việc làm nên chị N và gia đình vợ có cái nhìn không tốt về anh, việc chị N cho rằng anh thường xuyên đánh đập chị N là không đúng. Từ cuối năm 2015 đầu năm 2016 cho đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân nhau, mỗi người sống một nơi. Năm 2017 chị N làm đơn xin ly hôn và bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử bác đơn ly hôn, chị N có làm đơn kháng cáo, sau đó rút đơn kháng cáo nhưng vợ chồng anh cũng

không về ở cùng nhau là do hoàn cảnh không cho phép. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị N, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Kim Sang Hee J sinh ngày 13.02.2014, hiện nay đang ở với chị N. Nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Kim I. Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Kim I phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Kim I xác định vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình để chăm sóc con chung. Nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng nuôi con để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Bích N đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung, giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Kim I và giao con chung là Kim Sang Hee J, sinh ngày 13.02.2014 cho chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Kim I kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc ngày 08.01.2013 và Ghi chú kết hôn ngày 04.02.2013 tại Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng nên quan hệ hôn nhân giữa

chị N và anh Kim I là hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên chị N làm đơn xin ly hôn. Do hiện nay anh Kim I đang làm việc và sinh sống tại số 95, đường Lý Nam Đế, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và có mặt tại Việt Nam khi Tòa án thụ lý vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2]Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Kim I đã trầm trọng do vợ chồng không hợp nhau, không có sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng cũng như trong việc chăm sóc giáo dục con chung, mỗi khi vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm anh Kim I luôn giải quyết bằng hành vi bạo lực dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Năm 2017 chị N làm đơn xin ly hôn, tại Bản án số 17/2017/HNGĐ –ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử bác đơn xin ly hôn, chị N đã làm đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm chị N rút đơn kháng cáo để tạo cho chị và anh Kim I một cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, chị N và anh Kim I vẫn không quay về chung sống với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Kim I và giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Còn anh Kim I không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N và anh Kim I được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh Kim I có 01 con chung là Kim Sang Hee J, sinh ngày 13.02.2014. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con, anh Kim I cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Kim Sang Hee J còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, cháu đang được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Kim Sang Hee J cho chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Kim I xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích N, xử cho chị Nguyễn Thị Bích N và anh Kim I được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con Kim Sang Hee J sinh ngày 13.02.2014 cho chị Nguyễn Thị Bích N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0017222 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp.Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc